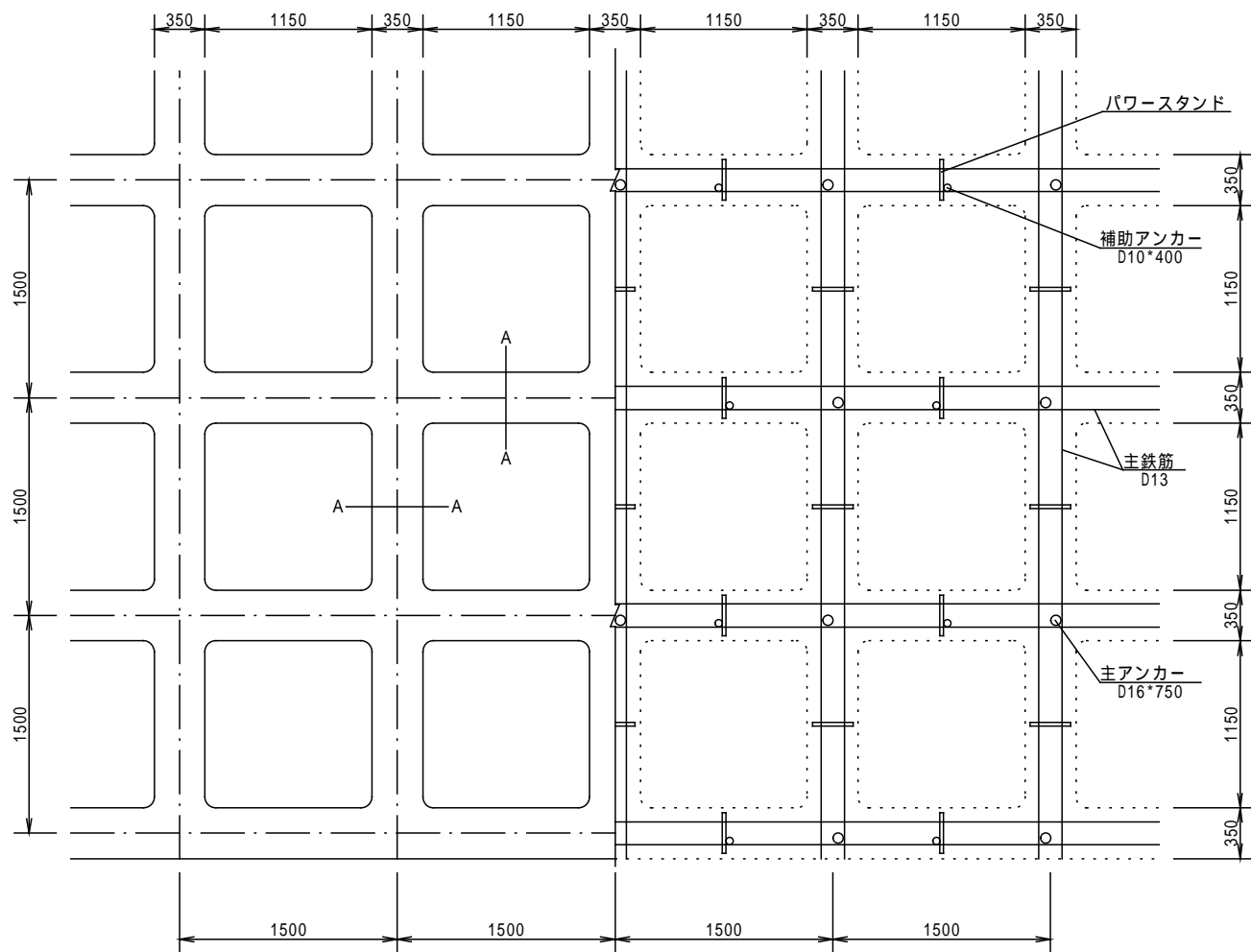
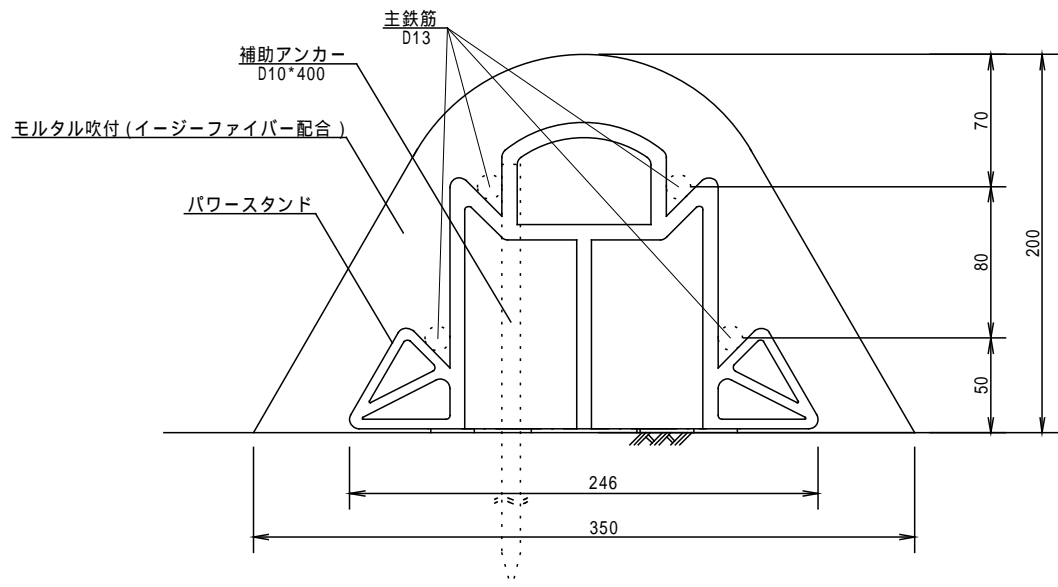


簡易吹付法 枠工詳細図
イーザーシェルフ工法 Pタイプ (350*200*1500)

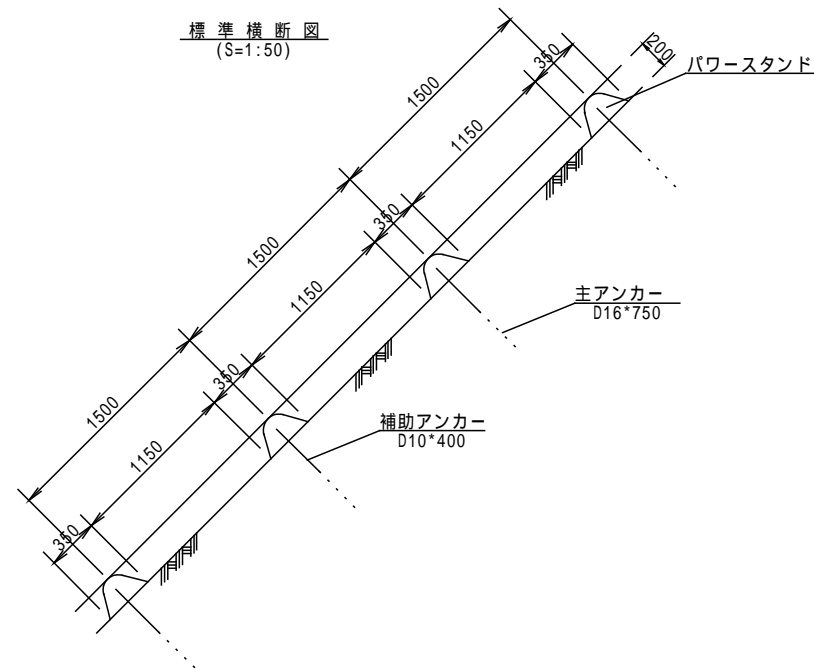
標準展開図
(S=1:50)



A-A断面図
(S=1:4)



標準横断面図
(S=1:50)



| 使用材料内訳表 (9.35m * 21.35m として算出) | | | |
|--------------------------------|---------------|------------------------|--|
| 材料名 | 規格 | 100m ² 当り数量 | 計 算 |
| ラス金網 | 2.0 * 50 * 50 | 140m ² | 100m ² * 1.4 = 140m ² |
| 大ピン | 16 * 400L | 30本 | 3本/10m ² * 100m ² = 30本 |
| 小ピン | 9 * 200L | 150本 | 15本/10m ² * 100m ² = 150本 |
| 異形鉄筋 | D13 | 675.78kg | 横鉄筋長 9.0m / 1.5m + 1 = 7本 7本 * 21.35m * 4本 = 597.8m 縦鉄筋長 21.0m / 1.5m + 1 = 15本 15本 * 9.35m * 4本 = 561.0m {(597.8m + 561.0m) * 0.995kg/m} / (9.35m * 21.35m) * 100m ² * 1.17 = 675.78kg |
| 主アンカー | D16 * 750 | 53本 | 各交点に1本ずつ配置する。 縦 7ヶ所 * 横 15ヶ所 = 105ヶ所 105ヶ所 / (9.35m * 21.35m) * 100m ² = 53本 |
| 補助アンカー | D10 * 400 | 50本 | 横枠のみ1本ずつ配置する。 縦 7ヶ所 * 横 14ヶ所 = 98ヶ所 98ヶ所 / (9.35m * 21.35m) * 100m ² = 50本 |
| パワースタンド | 350 * 200用 | 95個 | 横枠使用個数 21.0m / 1.5m * (9.0m / 1.5m + 1) = 98個 縦枠使用個数 9.0m / 1.5m * (21.0m / 1.5m + 1) = 90個 (98個 + 90個) / (9.35m * 21.35m) * 100m ² = 95個 |
| 枠モルタル吹付 | b350 * h200 | 6.15m ³ | 枠断面 118.49 / 360 * * 0.1024 ² - 0.176 * (0.1024 - 0.05) / 2 + 0.15 * (0.176 + 0.35) / 2 = 0.0457m ² 枠長 9.35m * 15本 + 21.35m * 7本 = 289.7m 交差箇所削除体積 { 3.14 * 0.05 / 6 * (3 * 0.088 ² + 0.15 ²) + 3.14 * 0.15 / 3 * (0.175 ² + 0.175 * 0.088 + 0.088 ²) } * 7ヶ所 * 15本 = 0.958m ³ 100m ² 当り体積 (0.0457m ² * 289.7m - 0.958m ³) / (9.35m * 21.35m) * 100m ² = 6.15m ³ |
| 枠内処理面積 | | 55.7m ² | 0.35m * 289.7m - (0.35m) ² * 7ヶ所 * 15本 = 88.53m ² 100m ² - {88.53m ² / (9.35m * 21.35m) * 100m ² } = 55.7m ² |